

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày: 24- 10- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng.

Ông Trần Xuân Thu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn V, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1978 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Tiêu Thị K; vợ là Đinh Thị T, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-6- 2024; “có mặt”.

2. Vũ Văn T1, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1979 tại huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc T2 và bà Đỗ Thị P; vợ là Phạm Thị T3, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-6- 2024; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15-6-2024, Vũ Văn T1 gọi điện cho Phạm Văn V hỏi mua 400.000đ H, V đồng ý và hẹn T1 đến khu vực cầu T giáp ranh giữa xã G và xã G (nay là thị trấn G) để giao dịch. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô BKS 18P5-6234 đến điểm hẹn. Gặp Viện, T1 đưa cho V 400.000đ, V nhận tiền rồi đưa lại cho T1 01 gói giấy ăn màu trắng, bên trong đựng 02 gói Heroine được gói bằng giấy in, T1 cầm 02 gói Heroine trên trong lòng bàn tay trái đi tìm địa điểm để sử dụng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi T1 đi đến khu vực xóm M, xã G thì bị tổ tuần tra của Công an huyện G phối hợp cùng Công an xã G yêu cầu kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra, T1 đã tự giác giao nộp cho tổ tuần tra 01 gói giấy ăn màu trắng, bên trong đựng 02 gói nhỏ bên ngoài đều được gói bằng giấy in, bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng, T1 khai nhận là 02 gói Heroine của T1 vừa mua của V và cất giấu với mục đích để sử dụng cho bản thân. Vật chứng thu giữ gồm 01 gói giấy ăn màu trắng, bên trong đựng 02 gói nhỏ bên ngoài đều được gói bằng giấy in, bên trong đều chứa chất bột dạng cục màu trắng, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M theo đúng quy định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Dream BKS 18P5-6234.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Phạm Văn V tại xóm F, thị trấn G, Cơ quan CSĐT Công an huyện G thu giữ 01 điện thoại di động Nokia, 01 xe máy BKS 73N2-5161 và số tiền 275.000 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 14-6-2024, Viện đang ở nhà thì có Mai Văn C ở cùng xóm gọi điện hỏi mua Heroine. Viện đồng ý và hẹn C giao dịch tại khu vực gốc đa đầu đường lối vào dong nhà Viện. Sau đó V đi bộ từ nhà ra chỗ hẹn gặp C, C đưa cho V 200.000đ, V cầm tiền rồi đưa cho C 01 gói Heroine được gói bằng giấy báo, C cầm gói Heroine về nhà và sử dụng hết.

Về nguồn gốc số Heroine thu giữ của Vũ Văn T1 và số Heroine Viện bán cho T1, C, V khai nhận: Trong các ngày 14-6 và 15-6-2024, Viện một mình điều khiển xe mô tô BKS 73N2-5161 đến khu vực chợ thị trấn G (xã G cũ) mua của một người đàn ông Viện không biết tên, tuổi, địa chỉ 03 gói Heroine với giá 600.000đ. Mua xong, Viện mang về nhà sử dụng một ít, còn lại chia thành 03 gói nhỏ và bán lại cho Vũ Văn T1 02 gói với giá 400.000đ, bán cho Mai Văn C 01 gói với giá 200.000đ. Viện đã tiêu xài hết 325.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 1141/KL-KTHS ngày 20- 6-2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh N kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 02 (hai) gói nhỏ, được niêm phong ký hiệu M gửi giám định đều là ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng 0,256 gam.

Cáo trạng số 85/CT-VKS-GT ngày 01-10-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy đã truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Văn T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội "Mua

bán trái phép ma túy”; bị cáo Vũ Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn V từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Văn T1 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ trong phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật; tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại thu giữ của Viện và T1, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 275.000 đồng đã thu giữ, truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 325.000 đồng từ Phạm Văn V.

Các bị cáo không tự bào chữa, tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn, hối lỗi và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 14-6-2024 tại khu vực đầu đường dong vào nhà Phạm Văn V thuộc Xóm F, thị trấn G (xã G cũ), huyện G, tỉnh Nam Định, Phạm Văn V có hành vi bán trái phép cho Mai Văn C 01 gói heroine với giá 200.000 đồng (Sau khi mua được Heroine của V, C đã sử dụng hết). Đến khoảng 11 giờ ngày 15-6-2024 tại khu vực cầu T- Địa phận giáp ranh giữa xã G và thị trấn G (xã G cũ), Phạm Văn V tiếp tục có hành vi bán trái phép 0,256 gam Heroine cho Vũ Văn T1 với giá 400.000 đồng; Vũ Văn T1 cất giấu 0,256 gam Heroine vừa mua được của Phạm Văn V mục đích để sử dụng cho bản thân. Khi T1 đi đến khu vực xóm M, xã G, huyện G thì bị tổ tuần tra của Công an huyện G phối hợp cùng Công an xã G phát hiện, bắt quả tang.

[3] Các bị cáo Phạm Văn V và Vũ Văn T1 đều có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự. Do đó, Phạm Văn V phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Vũ Văn T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tính nguy hiểm của hành vi còn thể hiện ở

chỗ: Tệ nạn ma túy đang là một vấn đề nhức nhối của xã hội, nó không chỉ hủy hoại sức khỏe của người nghiện mà còn khiến nhiều gia đình rơi vào cảnh khánh kiệt, bần cùng, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự, an toàn xã hội. T4 xã hội đang tìm nhiều biện pháp để bài trừ, triệt phá tệ nạn ma túy thì các bị cáo đã tiếp tay cho tệ nạn sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, việc xử lý nghiêm đối với các bị cáo là cần thiết.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phạm Văn V, Vũ Văn T1 đều phạm tội lần đầu, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 và khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt đối mỗi bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Việc xử phạt bị cáo có tác dụng trừng trị, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản giá trị, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, như quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Phạm Văn V đã bán trái phép chất ma túy 2 lần và thu về 600.000 đồng, V đã tiêu sài hết 325.000 đồng, còn lại 275.000 đồng, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 275.000 đồng và truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 325.000 đồng. 02 chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Văn V và Vũ Văn T1 đều là phương tiện mà các bị cáo liên lạc để mua bán ma túy, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số ma túy thu giữ trong phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật - Là vật không có giá trị và vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu cho tiêu hủy. Ngoài ra còn các tài sản khác được thu giữ nhưng Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu theo quy định pháp luật, nay không xem xét.

[9] Quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người bán ma túy cho Phạm Văn V nên không đặt ra xem xét xử lý.

[10] Đối với Mai Văn C đã mua ma túy của Phạm Văn V nhưng đã sử dụng hết, Công an huyện G đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với C về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[11] Các bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Các bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo Phạm Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Phạm Văn V 08 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 15- 6- 2024.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự”, tuyên bố bị cáo Vũ Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 01 năm 09 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 15- 6- 2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ trong phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định; tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại thu giữ của Phạm Văn V và Vũ Văn T1; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 275.000 đồng (Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 02/2025 lập ngày 02-10-2024 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giao Thủy). Truy thu của Phạm Văn V 325.000 đồng.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Phạm Văn V, Vũ Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo Phạm Văn V, Vũ Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo: 02 bản.
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Công an huyện Giao Thủy: 02 bản;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nam Định: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên